



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

LỊCH THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023
Bậc đào tạo: TRUNG CẤP - KHÓA 2020 (T4)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	20T4-QLH; 20T4-QDL	0714002763	1	28	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
2	20T4-QLH; 20T4-QDL	0714002763	2	28	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
3	20T4-	0714001619	1	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
4	20T4-	0714001619	2	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 05
5	20T4-	0714001619	3	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 03
6	20T4-	0714001619	4	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 05
7	20T4-	0714001619	5	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 07
8	20T4-	0714001619	6	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 09
9	20T4-	0714001619	7	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 14
10	20T4-	0714001619	8	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.3- 02
11	20T4-	0714001619	9	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 01
12	20T4-	0714001619	10	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 02
13	20T4-	0714001619	11	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 03
14	20T4-	0714001619	12	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	C3.3 - 05
15	20T4-	0714001619	13	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 03
16	20T4-	0714001619	14	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 05
17	20T4-	0714001619	15	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 07
18	20T4-	0714001619	16	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 09
19	20T4-	0714001619	17	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 14
20	20T4-	0714001619	18	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.3- 02
21	20T4-	0714001619	19	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
22	20T4-	0714001619	20	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
23	20T4-	0714001619	21	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 01
24	20T4-	0714001619	22	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 04
25	20T4-	0714001619	23	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 05

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
26	20T4-	0714001619	24	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 01
27	20T4-	0714001619	25	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 15
28	20T4-	0714001619	26	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	H1.3 - 04
29	20T4-	0714001619	27	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	F2.2 - 01
30	20T4-	0714001619	28	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	13H00	Tự luận	F2.2 - 02
31	20T4-	0714001619	29	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 04
32	20T4-	0714001619	30	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 05
33	20T4-	0714001619	31	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 01
34	20T4-	0714001619	32	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 04
35	20T4-	0714001619	33	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 05
36	20T4-	0714001619	34	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 01
37	20T4-	0714001619	35	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 15
38	20T4-	0714001619	36	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	H1.3 - 04
39	20T4-	0714001619	37	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	F2.2 - 01
40	20T4-	0714001619	38	38	Toán 6	3	25/04/2023	90	15H30	Tự luận	F2.2 - 02
1	20T4-QLH; 20T4-QDL	0714002764	1	28	Ngữ văn 6	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 03
2	20T4-QLH; 20T4-QDL	0714002764	2	28	Ngữ văn 6	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 05
3	20T4 -	0714001618	1	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 03
4	20T4 -	0714001618	2	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 06
5	20T4 -	0714001618	3	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 07
6	20T4 -	0714001618	4	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 15
7	20T4 -	0714001618	5	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	F2.2 - 03
8	20T4 -	0714001618	6	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	F2.2 - 04
9	20T4 -	0714001618	7	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	F2.2 - 05
10	20T4 -	0714001618	8	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	07H30	Tự luận	F2.2 - 06
11	20T4 -	0714001618	9	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	C3.3 - 03
12	20T4 -	0714001618	10	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	C3.3 - 05
13	20T4 -	0714001618	11	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
14	20T4 -	0714001618	12	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 06
15	20T4 -	0714001618	13	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 07
16	20T4 -	0714001618	14	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 15
17	20T4 -	0714001618	15	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	F2.2 - 03
18	20T4 -	0714001618	16	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	F2.2 - 04
19	20T4 -	0714001618	17	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	F2.2 - 05
20	20T4 -	0714001618	18	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	10H00	Tự luận	F2.2 - 06
21	20T4 -	0714001618	19	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
22	20T4 -	0714001618	20	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
23	20T4 -	0714001618	21	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
24	20T4 -	0714001618	22	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 03
25	20T4 -	0714001618	23	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 04
26	20T4 -	0714001618	24	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 05
27	20T4 -	0714001618	25	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 05
28	20T4 -	0714001618	26	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 06
29	20T4 -	0714001618	27	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 14
30	20T4 -	0714001618	28	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 15
31	20T4 -	0714001618	29	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
32	20T4 -	0714001618	30	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
33	20T4 -	0714001618	31	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 05
34	20T4 -	0714001618	32	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 03
35	20T4 -	0714001618	33	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 04
36	20T4 -	0714001618	34	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 05
37	20T4 -	0714001618	35	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 05
38	20T4 -	0714001618	36	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 06
39	20T4 -	0714001618	37	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 14
40	20T4 -	0714001618	38	38	Hóa học 4	5	27/04/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 15
1	20T4-QTD	0714002226	1	30	Chiến lược và chính sách kinh doanh	5	04/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
2	20T4-QTD	0714002226	2	30	Chiến lược và chính sách kinh doanh	5	04/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
3	20T4-LGT	0714002357		31	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế	5	04/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
4	20T4-QDL	0714002775		36	Quản trị các dịch vụ giải trí	5	04/05/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 03
5	20T4-QLH	0714002788		17	Điều hành chương trình du lịch	5	04/05/2023		13H00	Tự luận	C3.3 - 03
6	20T4-LĐL	0714001878		17	Chuyên đề máy lạnh	5	04/05/2023		13H00	Trắc nghiệm trên giấy	
7	20T4-TCD	0714001905		38	Quản trị rủi ro tài chính	5	04/05/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 04
8	20T4-KLB	0714002790	1	30	Quản trị tác nghiệp	5	04/05/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 05
9	20T4-KLB	0714002790	2	30	Quản trị tác nghiệp	5	04/05/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 05
10	20T4-KTD	0714002341	1	32	Tài chính công	5	04/05/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 06
11	20T4-KTD	0714002359	2	32	Tài chính công	5	04/05/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 14
12	20T4-NNA	0714002086	1	36	Tiếng Anh Đàm phán	5	04/05/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 15
13	20T4-NNA	0714002086	2	36	Tiếng Anh Đàm phán	5	04/05/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 16
14	20T4-NNA	0714002086	3	36	Tiếng Anh Đàm phán	5	04/05/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.3 - 01
15	20T4-QTD	0714001729	1	30	Quản trị tác nghiệp	5	04/05/2023	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
16	20T4-QTD	0714001729	2	30	Quản trị tác nghiệp	5	04/05/2023	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
17	20T4-LGT	0714002354		31	Vận tải đa phương thức	5	04/05/2023	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 05
18	20T4-QLH; 20T4-QDL	0714002762	1	30	Lịch Sử 3	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
19	20T4-QLH; 20T4-QDL	0714002762	2	30	Lịch Sử 3	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03
20	20T4-TCD	0714002359		38	Tài chính quốc tế	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 04
21	20T4-KTD	0714002286	1	32	Tâm lý kinh doanh	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 05
22	20T4-KTD	0714002286	2	32	Tâm lý kinh doanh	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 05
23	20T4-QKS	0714002748		32	Quản trị lễ tân	5	04/05/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 06
24	20T4-NNA	0714002373	1	36	Tiếng Hoa	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 14
25	20T4-NNA	0714002373	2	36	Tiếng Hoa	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 15
26	20T4-NNA	0714002373	3	36	Tiếng Hoa	5	04/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 16
1	20T4-ĐĐT	0714001676		38	Cung cấp điện	6	05/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
2	20T4-TĐH	0714000039		30	Điện tử công suất	6	05/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
3	20T4-QTD	0714001906	1	30	Phân tích báo cáo tài chính	6	05/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
4	20T4-QTD	0714001906	2	30	Phân tích báo cáo tài chính	6	05/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
5	20T4-ĐCN	0714001688	1	34	Kỹ thuật lắp đặt điện	6	05/05/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
6	20T4-ĐCN	0714001688	2	20	Kỹ thuật lắp đặt điện	6	05/05/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
7	20T4-CNL	0714002411		16	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt	6	05/05/2023	90	13H00	Tự luận	
8	20T4-CKC	0714001882	1	30	Kỹ thuật chế tạo 2	6	05/05/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
9	20T4-CKC	0714001882	2	30	Kỹ thuật chế tạo 2	6	05/05/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 01
10	20T4-KML	0714001659		36	Bơm - Quạt - Máy nén	6	05/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
11	20T4-CKL	0714001634		16	Máy cắt kim loại	6	05/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
12	20T4-CCK; CKC	0714001652	1	32	Máy cắt kim loại	6	05/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
13	20T4-CCK; CKC	0714001652	2	32	Máy cắt kim loại	6	05/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
14	20T4-CCK; CKC	0714001652	3	32	Máy cắt kim loại	6	05/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
15	20T4-CCK; CKC	0714001652	4	32	Máy cắt kim loại	6	05/05/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
16	20T4-TMĐ	0714002341		30	Quản trị thương mại điện tử	6	05/05/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 02
17	20T4-QDL	0714002774		36	Quản trị doanh nghiệp	6	05/05/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 01
CÁC MÔN THI PHÒNG MÁY											
1	20T4-LTM	0714001748	1	30	Lập trình PHP	4	26/04/2023	120	08H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	20T4-LTM	0714001748	2	30	Lập trình PHP	4	26/04/2023	120	08H00	Trên máy tính	E3 - 01
3	20T4-TKW	0714002722		35	Lập trình PHP căn bản	6	05/05/2023	120	08H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
4	20T4-KTD	0714002146	1	30	Kế toán trên Excel	6	05/05/2023	120	13H00	Trên máy tính	G1.2 - 11
5	20T4-KTD	0714002146	2	30	Kế toán trên Excel	6	05/05/2023	120	15H30	Trên máy tính	G1.2 - 11